

Số: 77 GGT-ĐHHL

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận quý III.2018 so với quý III.2017

No.: 77 GGT-ĐHHL

Regarding explaining the reason for profit difference between quarter III.2018 and quarter III.2017

Hải Phòng, ngày 18 tháng 10 năm 2018
Hai Phong Oct 18th, 2018

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Respectfully: STATE SECURITIES COMMISSION
HANOI STOCK EXCHANGE

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận quý III.2018 so với quý III.2017, giữa quý III.2018 so với quý II.2018 trên Báo cáo Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to explain the reason for profit difference between quarter III.2018 and quarter III.2017, between quarter III.2018 and quarter II.2018 in Income Statement of Company as follows:

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2018	Quý III.2017	Chênh lệch/ Difference	
		Quarter III.2018	Quarter III.2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	104,019,495,678	83,614,626,247	20,404,869,431	24%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	336,836,058	247,143,563	89,692,495	36%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	103,682,659,620	83,367,482,684	20,315,176,936	24%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	72,367,325,294	60,606,724,997	11,760,600,297	19%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	31,315,334,326	22,760,757,687	8,554,576,639	38%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	21,216,449	218,116,229	(196,899,780)	-90%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	23,461,061	56,342,454	(32,881,393)	-58%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	18,976,476,355	13,075,228,830	5,901,247,525	45%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	5,726,709,321	5,211,319,274	515,390,047	10%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	Operating profit	6,609,904,038	4,635,983,358	1,973,920,680	43%

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2018	Quý III.2017	Chênh lệch/ Difference	
		Quarter III.2018	Quarter III.2017	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
11. Thu nhập khác	Other income	121,138,250	304,718,189	(183,579,939)	-60%
12. Chi phí khác	Other expenses	67,333,119	54,192,000	13,141,119	24%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profit	53,805,131	250,526,189	(196,721,058)	-79%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Net profit before tax	6,663,709,169	4,886,509,547	1,777,199,622	36%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	-	977,375,987	(977,375,987)	-100%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Net profit after tax	6,663,709,169	3,909,133,560	2,754,575,609	70%

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2018	Quý II.2018	Chênh lệch/ Difference	
		Quarter III.2018	Quarter II.2018	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	104,019,495,678	82,928,149,259	21,091,346,419	25%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	336,836,058	424,439,382	(87,603,324)	-21%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	103,682,659,620	82,503,709,877	21,178,949,743	26%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	72,367,325,294	64,847,177,064	7,520,148,230	12%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	31,315,334,326	17,656,532,813	13,658,801,513	77%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	21,216,449	179,114,681	(157,898,232)	-88%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	23,461,061	193,283,125	(169,822,064)	-88%
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	18,976,476,355	17,933,663,407	1,042,812,948	6%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	5,726,709,321	8,028,716,622	(2,302,007,301)	-29%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26	Operating profit	6,609,904,038	(8,320,015,660)	14,929,919,698	179%
11. Thu nhập khác	Other income	121,138,250	(95,540,708)	216,678,958	227%
12. Chi phí khác	Other expenses	67,333,119	59,359,217	7,973,902	13%

0344
NG T
PH
PH
NG CAN
EN-TP

Chỉ tiêu	Item	Quý III.2018	Quý II.2018	Chênh lệch/ Difference	
		Quarter III.2018	Quarter II.2018	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profit	53,805,131	(154,899,925)	208,705,056	135%
14. Tổng lợi nhuận kể toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Net profit before tax	6,663,709,169	(8,474,915,585)	15,138,624,754	179%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Net profit after tax	6,663,709,169	(8,474,915,585)	15,138,624,754	179%

Lợi nhuận sau thuế Quý III.2018 tăng 2.7 tỷ, tương ứng tăng 36% so với Quý III.2017. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng, quý III.2018 tăng 20 tỷ so với quý III.2017, tương ứng tăng 24%. Bên cạnh đó, giá thành sản xuất của một số mặt hàng giảm đáng kể, tỷ lệ giá vốn/doanh thu giảm từ 73% xuống còn 70%. Tỷ lệ chi phí bán hàng/doanh thu tăng 2%, tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/doanh thu hầu như không thay đổi.

The net profit in the Quarter III. 2018 increase 2.7 bil, equivalent to 36% compare with Quarter II.2017. The main reason is the Total Revenue increase, Quarter III.2018 increase 20 bil compare with Quarter II.2017, equivalent to 24%. In addition, the Cost of Sale of some product decrease significantly. For the rate with net revenue, COS in Quarter III.2018 is 70%, in Quarter III.2017 is 73%, decrease 3%. The rate of Selling expense with net revenue increase 2%, the rate of Selling expense with net revenue almost have not any change

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận Quý III.2018 tăng so với cùng kỳ năm trước

The above is the main reason for the net profit in Quarter III.2018 increase in comparison with the same period last year

Lợi nhuận Quý III.2018 so với Quý II.2018 thay đổi do cùng nguyên nhân như trên.

The net profit in Quarter III.2018 compare with the Quarter II.2018 changed due to the same cause

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

Our Company would like to explain to your Agency.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KEK CHIN ANN**

